

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Oanh Kiều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;
2. Ông Nguyễn Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;
Cư trú tại: tổ 10, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.
2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979;
Cư trú tại: tổ 10, ấp A, xã H, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 anh chị phát sinh mâu

thuần, thường xuyên cự cãi, anh H1 đã bỏ nhà đi từ năm 2011 đến nay nên chị yêu cầu ly hôn với anh H1.

Về con chung: chị và anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 23/7/1994, Nguyễn Văn H2, sinh ngày 08/12/1995 và Nguyễn H H3, sinh ngày 17/6/2005. Hiện nay Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn H2 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn H H3, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/6/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với chị H về thời gian, quá trình chung sống, tình trạng hôn nhân đúng như chị H trình bày, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống do chị H không chăm lo gia đình, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Anh chị không còn chung sống từ năm 2011 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị H chung sống có 03 người con chung như chị H đã trình bày. Hiện nay Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn H2 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao cháu Nguyễn H H3, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Chị H và anh H1 có 03 con chung là Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 23/7/1994, Nguyễn Văn H2, sinh ngày 08/12/1995 và Nguyễn H H3, sinh ngày 17/6/2005, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn H2 đã trưởng thành, chị H anh H1 không yêu cầu giải quyết, Nguyễn H H3 có nguyện vọng sống với chị H nên giao cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 là vợ chồng. Về con chung giao cháu Nguyễn H H3 cho chị H nuôi dưỡng, ghi nhận chị H

không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H1.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị H, anh H1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có ba con chung là Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 23/7/1994, Nguyễn Văn H2, sinh ngày 08/12/1995 và Nguyễn H H3, sinh ngày 17/6/2005. Hiện nay các cháu Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn H2 đã trưởng thành, chị H anh H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị H, anh H1 thỏa thuận giao chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn H H3, chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, xét thấy thỏa thuận giữa anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu Hân và quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh H1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có ba con chung là Nguyễn Văn Hùng, sinh ngày 23/7/1994, Nguyễn Văn H2, sinh ngày 08/12/1995 và Nguyễn H H3, sinh ngày 17/6/2005. Hiện nay Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn H2 đã trưởng thành, chị H, anh H1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Nguyễn H H3 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Nguyễn Văn H1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số 0003883 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Oanh Kiều

